

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26/9/2019
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lệ Thủy

Ông Nguyễn Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 117/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/9/2019 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐHPT ngày 20/9/2019 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T – sinh năm: 1994; Địa chỉ: Số M đường Mỹ Đa Đ quận Ngũ Hành Sơn Thành Phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Thị Xuân Phương – Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Ngô Hồng P - sinh năm: 1984. Địa chỉ: Số nhà N, đường Phó Đức C, tổ K, phường An Hải B, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 26/6/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông P có đăng ký kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2016 do UBND xã Phù Cát, tỉnh Bình Định cấp ngày 04.4.2016, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc ai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm, không hiểu nhau nên hay cãi vã, chúng tôi đã nhiều lần hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Vợ

chồng chúng tôi đã sống ly thân từ ngày đó. Nay, tôi xác định không còn tình cảm với ông P nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Ngô Hồng P.

- Về con chung: Tôi xác định tôi và ông P không có con chung.
- Về tài sản chung: Tôi và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và ông P không có nợ chung.

** Đối với bị đơn – Tại phiên tòa hôm nay ông P vắng mặt nhưng tại phiên hòa giải ngày 01/08/2019, ông Ngô Hồng P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất như lời trình bày của bà Nguyễn Thị T. Tôi và bà T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Cát, tỉnh Bình Định, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2016 cấp ngày 04.4.2016, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc ai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm, không hiểu nhau nên hay cãi vã, chúng tôi đã nhiều lần hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Vợ chồng chúng tôi đã sống ly thân từ ngày đó. Mặc dù hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng tôi vẫn còn thương yêu bà T. Nay, bà T xin ly hôn tôi không đồng ý,

- Về con chung: Tôi xác định tôi và bà T không có con chung.
- Về tài sản chung: Tôi và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và bà T không có nợ chung.

**Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Thị Xuân Phương thống nhất lời trình bày của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Ngô Hồng P.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật; Riêng bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật, đây là lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt của bị đơn. Về nội dung vụ án đề nghị HĐXX căn cứ Điều, 51,56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Ngô Hồng P. Vợ chồng bà T và ông P không có con chung nên không giải quyết. Về nợ chung hai vợ chồng khai không có nợ chung nên xem xét. Về tài sản chung bà T và ông P khai không có tài sản chung nên không xem xét.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Hồng P có đăng ký kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2016 do UBND xã Phù Cát, tỉnh Bình Định cấp ngày 04.4.2016. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Hồng P tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc. Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương thì được chính quyền địa phương phường An Hải B, quận Sơn Trà cung cấp, vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Hồng P có đăng ký kết hôn và sống tại địa phương không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông P không quan tâm đến vợ, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã mặc dù đã được bà con hàng xóm khuyên can.

Mặc dù tại phiên tòa hôm nay ông P vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện nhiều lần để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, trở về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng không được. Xét thấy, mâu thuẫn của bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Hồng P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Hồng P là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông P xác định không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông P không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà T và ông P khai không có nợ chung.

Nếu sau này bà Nguyễn Thị T và Ông Ngô Hồng P có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị T phải nộp nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị T đã nộp tại biên lai thu số 0007929 ngày 01/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn " của bà Nguyễn Thị T đối với ông Ngô Hồng P.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Ngô Hồng P. Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Ngô Hồng P nên giấy chứng nhận kết hôn 18/2016 do UBND xã Phù Cát, tỉnh Bình Định cấp ngày 04.4.2016 cho bà Nguyễn Thị T với ông Ngô Hồng P không còn giá trị pháp lý.

Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị T phải nộp nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị T đã nộp tại biên lai thu số 0007929 ngày 01/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường An Hải B,
- Lưu hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã Ký

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG

